TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NGÃ BẢY** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09-02-2023
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NGÃ BẢY - TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vũ Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải
2. Bà Trịnh Thị Ngọc Diễm

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Huế Phương. Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ngã Bảy tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Tuyết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2023/TLST- HNGĐ, ngày 12 tháng 01 năm 2023, về Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXX - ST ngày 27 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Phạm Thị Thu T, sinh năm: 1983 (Có mặt)
  Trú tại: ấp H, xã X, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.
- *Bị đơn:* Phạm Văn E, sinh năm: 1976 (Có đơn xin vắng mặt).
  Trú tại: ấp Ấp Đ, xã T, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình tố tụng nguyên đơn Phạm Thị Thu T trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện tìm hiểu nhau và tiến tới hôn nhân vào năm 2003, có tổ chức lễ cưới theo truyền thống nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và sau thời gian chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và cả hai sống ly thân. Nguyên nhân do bất đồng ý kiến với nhau trong nhiều quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung cuộc sống vợ chồng ngột ngạt nặng nề. Bị đơn không lo làm ăn mặc khác có lời lẽ xúc phạm nguyên đơn dẫn đến cả hai ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay nguyên đơn yêu cầu xin ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Có 01 con chung cháu Phạm Nhã P, giới tính: Nữ, sinh ngày: 17/9/2004 hiện đã trưởng thành không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Trong quá trình tố tụng bị đơn Phạm Văn E trình bày: Bị đơn thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản và nợ chung.

Về hôn nhân vợ chồng cưới nhau năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn và quá trình sống chung phát sinh mâu thuẫn do cả 02 thường xuyên cãi nhau và không chịu nổi áp lực cuộc sống và bị đơn bỏ nhà đi cả 02 ly thân năm 2020 đến nay. Nguyên đơn yêu cầu ly hôn bị đơn đồng ý ly hôn.

Về con chung: Cháu Phạm Nhã P đã trưởng thành không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 14 Điều 53, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Không công nhận nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng; Về con đã trường thành không xem xét; về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Bị đơn Phạm Văn E có nơi trú tại ấp Ấp Đ, xã T, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trước khi mở phiên tòa bị đơn Phạm Văn E có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thu T và ông Phạm Văn E tự nguyện tiếng tới hôn nhân vào năm 2003 có tổ chức lễ cưới theo truyền thống, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình sống chung do bất đồng ý kiến với nhau trong quan điểm sống, không hợp nhau bà Trang và ông Em tự sống ly thân từ năm 2020. Xét quá trình chung sống giữa bà Trang và ông Em không đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 14 và Điều 53 thì hôn nhân giữa ông, bà không được pháp luật thừa nhận do đó khi có yêu cầu xin ly hôn Tòa án không công nhận là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Cháu Phạm Nhã P đã trưởng thành không yêu cầu nên không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7]. Nguyên đơn, bị đơn được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35; Điều 39, Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 14; Điều 51; Điều 53; Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- ***Tuyên xử:***

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận nguyên đơn bà Phạm Thị Thu T và bị đơn ông Phạm Văn E là vợ chồng

2. Về con chung: Đã trưởng thành không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí: Nguyên đơn bà Phạm Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ từ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008885 ngày 12/01/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Nguyên đơn không phải nộp thêm.

6. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi cư trú./.

***Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Viện KSND Tp. Ngã Bảy;
- Chi cục THADS Tp. Ngã Bảy;
- Các đương sự;
- UBND. xã Tân Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Thị Vũ Tiên